

Số: 04/2021/QĐST- KDTM

*Ch S, ngày 04 tháng 5 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 206/2020/TLST - KDTM ngày 23 tháng 11 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A B.

Địa chỉ: 170 Hai Bà Tr, phường Đ K, quận 1, Thành phố H C M.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Mạnh Kh – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần A B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Anh T – Phó Phòng phụ trách Phòng giao dịch Ch S – Chi nhánh G L; Địa chỉ: 908 Hùng Vương, thị trấn Ch S, huyện Ch S, tỉnh G L (Theo giấy ủy quyền số 753/UQ-TGD.20 ngày 15/7/2020).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn N Tr, xã Ia Gl, huyện Ch S, tỉnh G L.

(Anh Đào ủy quyền tham gia tố tụng cho chị Hiền theo giấy ủy quyền ngày 22 tháng 4 năm 2021)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị G; địa chỉ: Thôn Nông Tr, xã Ia Gl, huyện Ch S, tỉnh G L.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ phải trả, thời hạn và phương thức thanh toán: Bà Nguyễn Thị H công nhận bà và ông Nguyễn Văn Đ có nợ và có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A B – Chi nhánh G L – Phòng giao dịch Ch S số tiền 777.465.909đ (Bảy trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn chín trăm lẻ chín đồng), (trong đó nợ gốc là 650.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 11.491.662 đồng, nợ lãi quá hạn là 115.974.247 đồng, lãi tính đến hết ngày 26/4/2021), trả 01 lần vào ngày 26/5/2021.

*“Kể từ ngày tiếp theo của ngày hoà giải thành, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này”(Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).*

2.2. Sau khi ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A B thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho ông Đ và bà H, gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 181510 do UBND huyện Ch S cấp ngày 21/10/1999 cho hộ ông Nguyễn Văn Đ, ngày 11/7/2017 thoả thuận là tài sản chung cho ông Đ và bà H và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 542806 do UBND huyện Ch S cấp ngày 14/12/2007 cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H.

2.3. Trong trường hợp ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H không thanh toán số nợ trên cho nguyên đơn, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 35, tờ bản đồ số 14, diện tích: 402m<sup>2</sup>; địa chỉ: thôn Nông Trường, xã Ia Gl, huyện Ch S, tỉnh G L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 181510 do Ủy ban nhân dân huyện Ch S cấp ngày 21/10/1999 cho hộ ông Nguyễn Văn Đ, ngày 11/7/2017 thoả thuận là tài sản chung cho ông Đ và bà H và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 98, diện tích: 7.889m<sup>2</sup>; địa chỉ: thôn Hồ Bi, xã Ch P, huyện Ch S, tỉnh G L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 542806 do UBND huyện Ch S cấp ngày 14/12/2007 cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0118/17/TC/VIII.3 đề ngày 12/7/2017, Hợp đồng thế chấp tài sản số 0122.01/19/TC/VIII.3 đề ngày 20/6/2019 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 0120/19/TD/VIII.3 đề ngày 20/6/2019 để thu hồi nợ.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ xác định quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên được cấp đúng vị trí, đúng số tờ bản đồ, số thửa đất và không có tranh chấp.

2.4. Căn nhà tạm trên thửa đất số 35, tờ bản đồ số 14, diện tích: 402m<sup>2</sup>; địa chỉ: thôn N Tr, xã Ia Gl, huyện Ch S, tỉnh G L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 181510 do Ủy ban nhân dân huyện Ch S cấp ngày 16/10/1999, hiện do ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị G đang quản lý, sử dụng. Ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị G hoàn toàn đồng ý giao tài sản trên cho Ngân hàng xử lý để thu hồi nợ khi bà H và ông Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

2.5. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng, nguyên đơn đã nộp đủ. Ông Đ và bà H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 5.000.000 đồng và có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần A B – Chi nhánh G L – Phòng giao dịch Ch S.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền chi phí xem xét , thẩm định tại chỗ , bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.6. Về án phí: Các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên được giảm 50% án phí, tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 17.549.318 đồng. Hai bên đương sự thỏa thuận, ông Đ và bà H chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 17.549.318đ = [20.000.000đ + (4% × 377.465.909đ)] để sung vào công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP A B – Chi nhánh G L – Phòng giao dịch Ch S số tiền tạm ứng án phí là 15.824.129 đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0011110 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch S, tỉnh G L.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (2 bản);
- VKSND huyện Ch S (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Ch S (01 bản);
- Lưu hồ sơ (01 bản);

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Đình Hiếu**